Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Phan Thiết

Analyzing factors affecting the decision to participate in scientific research of students of Phan Thiet University

Nguyễn Thị Thảo, Trần Phúc Ngôn, Lê Thị Tú Trinh

Trường Đại học Phan Thiết, Bình Thuận

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thảo. E-mail: thaont@upt.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên tại trường Đại học Phan Thiết. Từ việc tổng quan cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu liên quan, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu. Từ dữ liệu khảo sát 147 sinh viên, tác giả tiến hành phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính theo phương pháp phần dư bé nhất (PLS-SEM). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra tác động rất lớn của ý định NCKH đến quyết định NCKH của sinh viên, đồng thời nghiên cứu còn cho thấy các yếu tố năng lực nghiên cứu, yếu tố nhận thức, yếu tố chính sách khuyến khích của nhà trường và yếu tố về sự hứng thú có tác động tích cực đến quyết định NCKH của sinh viên. Từ đó, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy sự tham gia hoạt động NCKH của sinh viên tại Trường Đại học Phan Thiết trong thời gian tới.

Từ khóa: *PLS-SEM; Quyết định tham gia nghiên cứu khoa học; Sinh viên; Ý định tham gia nghiên cứu khoa học;.*

Abstract: This study was conducted to analyze the influence of factors on the decision to participate in scientific research of students at Phan Thiet University. From an overview of the theoretical basis and related studies, the author proposes a research model. From survey data of 147 students, the author conducted a linear structural model analysis using the least residual method (PLS-SEM). Research results have shown a huge impact of scientific research intention on students' scientific research decisions, and the study also shows that 04 factors have a positive impact on students' scientific research decisions, respectively weak. research capacity factor, cognitive factor, school's incentive policy factor and interest factor. From there, the author offers some implications to promote the participation in scientific research activities of students at Phan Thiet University in the future.

Keywords: *Decided to participate in scientific research; Intention to participate in scientific research; PLS-SEM; Student.*

1. Đặt vấn đề

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với các trường cao đẳng, đại học hiện nay. Thu hút sinh viên tham gia NCKH đích thực là một phần quan trọng của giáo dục đại học tại nhiều cơ sở. Sứ mệnh của một trường đại học là tạo ra, quảng bá và chuyển giao tri thức cho xã hội. Nếu một trường đại học mà không có hoạt động nghiên cứu của sinh viên sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Đặc biệt với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các trường cao đẳng, đại học. Các tiêu chí về NCKH của sinh viên trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học luôn được các chuyên gia đặc biệt chú trọng, chính vì lẽ đó khuyến khích sinh viên tham gia NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường.

NCKH giúp sinh viên phát triển và trao dồi kỹ năng tư duy sáng tạo, phát huy tính năng động, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, hình thành năng lực tự học,

vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và tiếp cận thêm một số kiến thức mới, trang bị cho sinh viên những hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Ngoài ra, tham gia NCKH giúp sinh viên khẳng định giá trị, năng lực bản thân với giảng viên, nhà trường và xã hội, từ đó tạo ra cơ hội việc làm, thành công trong tương lai. Tuy nhiên, hoạt động NCKH khá phức tạp, đòi hỏi phải dành nhiều thời gian và công sức, vì vậy việc thu hút một lượng lớn sinh viên tham gia NCKH là không dễ dàng.

Trong nước và thế giới đã có nhiều tác giả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia NCKH của sinh viên. Nghiên cứu của Salgueira & cộng sự [1] chứng minh rằng điểm trung bình và các đặc điểm cá nhân của sinh viên như giới tính, sự cởi mở và ý thức có tác động đến sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động nghiên cứu khoa học ở bậc đại học. Theo Bùi Thị Lâm & Trần Mai Loan [2], quyết định tham gia NCKH của sinh viên bị tác động bởi 04 yếu tố: thái độ đối với NCKH, năng lực nghiên cứu, sự khuyến khích, điều kiện NCKH. Còn theo nghiên cứu của Võ Thị Minh Nho [3], các nhóm nhân tố về các yếu tố học đường (giảng viên, hiệu quả học tập), sự thỏa mãn tâm lý (liên kết, kỹ năng nghiên cứu) và các yếu tố động lực (yêu thích, lợi ích, thể hiện) có ảnh hưởng lên động cơ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào được nghiên cứu tại Trường Đại học Phan Thiết.

Trước những vấn đề trên, tác giả tiến hành nghiên cứu các yếu tố tác động đến quyết định tham gia NCKH của sinh viên tại trường Đại học Phan Thiết. Trên cơ sở tổng quan về lý thuyết, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu, tiến hành phân tích dữ liệu nhằm xác định các yếu tác động cùng chiều và mức độ tác động của nó đến ý định tham gia NCKH của sinh viên, từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, góp phần đưa hoạt động NCKH của Nhà trường ngày càng phát triển.

2. Tổng quan lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Tổng quan lý thuyết

Thuyết hành vi có kế hoạch của Ajen

Thuyết hành vi có kế hoạch của Ajen [4] được mở rộng và phát triển từ thuyết hành vi hợp lý của Ajen & Fishbein (1975). Mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch giả định rằng thực hiện hành vi có thể được dự báo hoặc giải thích bởi các ý định để thực hiện hành vi đó. Nền tảng lý thuyết này đã được các nhà Khoa học sử dụng rộng rãi để nghiên cứu cho rất nhiều lĩnh vực khác nhau trong các công trình nghiên cứu khoa học.

Thuyết tự quyết của Deci & Ryan (self-determination theory)

Thuyết tự quyết của Deci & Ryan [5] là một lý thuyết trải qua quá trình nghiên cứu, thử nghiệm thực địa về động cơ và tính cách con người trong bối cảnh xã hội, phân biệt và giải thích động cơ để thực hiện mục tiêu theo khía cạnh tự chủ bên trong và kiểm soát bên ngoài.

Động cơ của con người là một trạng thái tâm lý tạo thành lực lượng tinh thần liên quan đến nghị lực, định hướng, sự kiên trì và tính bình đẳng để tiến hành thực hiện mục tiêu. Động cơ là một vấn đề trọng tâm và được nghiên cứu lâu năm trong lĩnh vực tâm lý học hành vi của con người vì nó là cốt lõi của sự điều tiết sinh học, nhận thức và xã hội. Có động cơ có nghĩa là con người được thúc đẩy để thực hiện mục tiêu gì đó. Do đó, một người cảm thấy thiếu động cơ hoặc cảm hứng để làm một việc gì đó được coi là không có động cơ, trong khi một người có năng lượng tích cực, sự thích thú hoặc hoạt động hướng tới mục tiêu được coi là có động cơ [5].

Theo Deci & Ryan [5], động cơ thúc đẩy hành vi của con người được phân thành động cơ bên trong (extrinsic

motivation) và động cơ bên ngoài (intrinsic motivation).

Động cơ bên trong (intrinsic motivation)

Được hiểu là việc thực hiện một mục tiêu, hoạt động vì lợi ích, sự yêu thích, thỏa mãn nhu cầu vốn có về năng lực và tự chủ của bản thân. Khi có động cơ bên trong, một người sẽ hành động vì niềm vui, thách thức đạt được mục tiêu chứ không phải vì sự thúc đẩy, áp lực, kiểm soát hoặc phần thưởng từ môi trường bên ngoài. Động cơ bên trong được biểu hiện qua sự ham học hỏi, tò mò, vui vẻ thực hiện, thể hiện sự sẵn sàng khám phá và là một yếu tố quan trọng trong sự phát triển nhận thức, xã hội và thể chất, từ đó người ta sẽ phát triển về kiến thức và kỹ năng [5].

Động cơ bên ngoài (extrinsic motivation)

Động cơ bên ngoài đề cập đến hành vi được thúc đẩy bởi các yếu tố bên ngoài, biểu hiện qua việc thực hiện một hoạt động nhằm đạt được một số kết quả theo khía cạnh kiểm soát bên ngoài qua nhiều hình thức: phần thưởng (tiền bạc hoặc điểm số), thể hiện, năng lực tự nhận thức. Được vận dụng để khuyến khích, tạo động lực cho con người thực hiện một hoạt động nhất định. Người ta có thể thực hiện một hành động ngay cả khi điều đó không mang lại niềm vui, sự thỏa mãn chỉ cần có động cơ bên ngoài.

Ngoài những lý thuyết về động cơ bên ngoài tác động đến hành vi thực hiện một hành động của con người của Deci & Ryan thì một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng chất lượng của giảng viên cố vấn là thành phần không thể thiếu khi tham gia nghiên cứu khoa học (Laursen và cộng sự [6]; Thiry và cộng sự [7]). Theo nghiên cứu của Thiry & Laursen [7] nhận định vai trò quan trọng của sự tương tác giữa giảng viên cố vấn và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học đại học. Giảng viên tạo sự tương tác với sinh viên thông qua các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực: xã hội hóa nghề nghiệp, hỗ trợ trí tuệ và hỗ trợ cá nhân.

Theo Sadler & McKinney [8], các nhân tố nguyện vọng nghề nghiệp (career aspirations), sự tự tin (confidence), bản chất của khoa học (nature of science), phát triển trí tuệ (intellectual development), nội dung kiến thức (content knowledge) và kỹ năng (skills) quyết định sự tham gia NCKH của sinh viên.

Một nghiên cứu khác của Võ Thị Minh Nho [3] về các yếu tố ảnh hưởng lên động cơ tham gia NCKH của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhóm nhân tố về các yếu tố học đường (giảng viên, hiệu quả học tập), sự thỏa mãn tâm lý (liên kết, kỹ năng nghiên cứu) và các yếu tố động lực (yêu thích, lợi ích, thể hiện) có tác động đến động cơ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên. Một nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Thúy [9] cũng đã chỉ ra được ý định hành vi và các điều kiện thuận lợi có ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện hành vi đó.

2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Theo thuyết tự quyết của Deci & Ryan [5], hành vi thực hiện mục tiêu được hình thành từ nhiều động cơ khác nhau, trong đó có động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Đồng thời, theo mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch của Ajen [4], cho rằng thực hiện hành vi được giải thích bởi ý định thực hiện hành vi đó. Từ tổng quan về lý thuyết và căn cứ vào tình hình thực tế tại Trường Đại học Phan Thiết tác giả cho rằng yếu tố Chính sách khuyến khích của Nhà trường, sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, sự hứng thú, năng lực nghiên cứu, nhận thức của sinh viên có tác động đến ý định tham gia NCKH và ý định tham gia NCKH có tác động đến quyết định tham gia NCKH của sinh viên.

Chính sách khuyến khích, khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Nhà trường là một trong những yếu tố không thể thiếu để thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH.

Fox [10] cho rằng các trường đại học có thể dùng cơ cấu khen thưởng để tác động đến hành vi nghiên cứu. Một nghiên cứu của Chen và cộng sự [11], cho thấy mối tương quan giữa động lực nghiên cứu và phần thưởng nghiên cứu, sử dụng những phần thưởng là một cách rất hiệu quả để thúc đẩy động lực NCKH.

H1: Chính sách khuyến khích của Nhà trường có tác động tích cực đến ý tham gia NCKH của sinh viên

Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định tham gia NCKH của sinh viên đó là sự tương tác giữa giảng viên cố vấn và sinh viên. Các nhà nghiên cứu cho rằng tầm quan trọng của sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên là một yếu tố cơ bản để thúc đẩy động lực học tập, nghiên cứu của sinh viên (Picciano [12]). Sự tương tác tốt với giảng viên giúp sinh viên tiếp thu các chuẩn mực, giá trị, ngôn ngữ, công cụ và thực tiễn khoa học, nắm được các kỹ năng nghiên cứu, hướng tới sự độc lập và trách nhiệm cao, mở ra cơ hội nghề nghiệp trong tương lai và trí tuệ cho sinh viên (Thiry & Laursen [7]).

H2: Sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên

Sự hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân đối với đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại cảm giác hứng khởi cho cá nhân trong quá trình hoạt động (Nguyễn Quang Uẩn [13]).

Một số sinh viên cảm thấy thích thú, thỏa mãn được sự tò mò, sẵn sàng thử thách bản thân, khám phá những cái mới khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học mà không vì một tác động bên ngoài nào khác. Khi bản thân sinh viên có sự hứng thú đối với việc NCKH sẽ thúc đẩy ý định tham gia NCKH mãnh liệt hơn.

H3: Sự hứng thú có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên

Năng lực tự nghiên cứu được hiểu là sự tự tin của cá nhân trong việc hoàn thành thành công các khía cạnh khác nhau của quá trình nghiên cứu khoa học bao gồm: thu thập dữ liệu, thực hiện các quy trình thí nghiệm và viết bài (Liu [14]), (Van Dinther và cộng sự [15]), (Nazari [16]). Theo Ramin & Aghazadeh [17] năng lực nghiên cứu có thể đo lường mức độ sẵn sàng của các cá nhân liên quan đến hoạt động nghiên cứu.

H4: Năng lực nghiên cứu của sinh viên có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên

Khi một cá nhân đánh giá cao và nhận thức được việc thực hiện NCKH là một hành vi tốt, mang lại lợi ích cho bản thân và xã hội thì cá nhân đó sẽ tích cực tham gia vào hoạt động NCKH, trong khi đó, một cá nhân sẽ không có động lực tham gia NCKH khi cho rằng việc thực hiện NCKH là không cần thiết, không quan trọng đối với bản thân (Chen và cộng sự [18]), (Huỳnh Quang Minh [19]).

H5: Nhận thức có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên

Theo thuyết hành vi có kế hoạch của Ajen [4], quyết định thực hiện một hành vi chịu tác động bởi ý định thực hiện hành vi đó. Trong thực tế, nhiều nghiên cứu đã chứng minh được mối liên hệ giữa ý định hành vi và quyết định thực hiện. Nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Huyền [20], đã vận dụng lý thuyết trên để chứng minh rằng ý định có tác động cùng chiều với quyết định thực hiện hành vi.

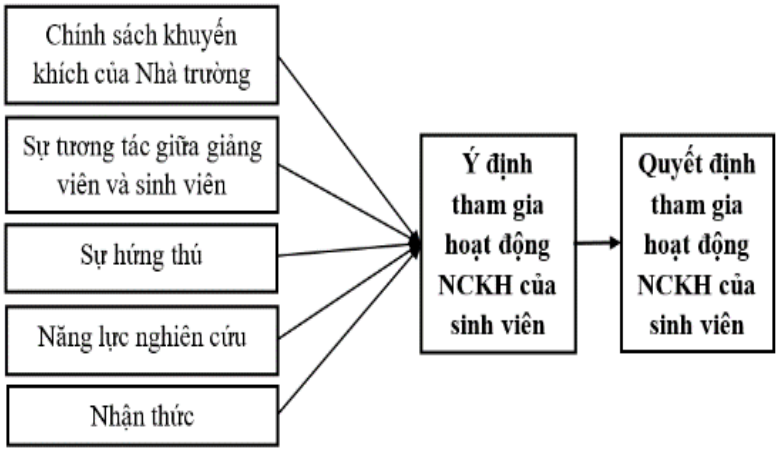

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tác giả thực hiện bằng phương pháp hỗn hợp kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu định tính bằng kỹ thuật phỏng vấn sâu các chuyên gia, nhóm giảng viên đã hướng dẫn và sinh viên đã từng tham gia NCKH. Từ cơ sở đó hiệu chỉnh, bổ sung thang đo phù hợp với bối cảnh thực tế tại Trường Đại học Phan Thiết. Bảng 1 mô tả các thang đo của nghiên.

Bảng 1. Mô tả các thang đo

STT	Nhân tố	Ký hiệu biến	Biến quan sát	Nguồn
1	Chính sách khuyến khích của Nhà trường (CS)	CS1	NCKH góp phần tạo thêm thu nhập cho tôi	Huỳnh Quang Minh (2022)
2		CS2	Kinh phí dành cho NCKH hợp lý	Jacob & Lefgren (2011)
3		CS3	Hỗ trợ của giảng viên về NCKH đầy đủ và nhiệt tình	Bùi Thị Lâm & cộng sự (2022)
4		CS4	Có nhiều khen thưởng của Nhà trường khi tôi tham gia NCKH	Bùi Thị Lâm & cộng sự (2022)
5		CS5	Thành tích của tôi khi tham gia NCKH được Nhà trường phổ biến rộng rãi	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
6		CS6	Có sự khác biệt giữa sinh viên tham gia và không tham gia NCKH	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
7	Sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên (STT)	STT1	Giảng viên biết định hướng các vấn đề nghiên cứu khi tôi đề cập	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
8		STT2	Giảng viên có năng lực hướng dẫn tôi NCKH	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
9		STT3	Giảng viên hướng dẫn tôi NCKH nhiệt tình và chi tiết	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
10		STT4	Giảng viên thường xuyên khuyến khích, động viên tôi tham gia NCKH	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)
11		STT5	Giảng viên thường xuyên thúc đẩy tiến độ thực hiện NCKH của tôi	Phạm Quang Văn & cộng sự (2018)

12	Sự hứng thú (SHT)	SHT1	NCKH là để tôi khám phá điều tôi đang quan tâm	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
13		SHT2	Hoạt động NCKH cho phép tôi phát huy năng lực cá nhân	Dingeta và cộng sự (2012), Nguyễn Quốc Nghi & cộng sự (2017)
14		SHT3	Hoạt động NCKH xuất phát từ niềm đam mê của tôi	Nguyễn Quốc Nghi & cộng sự (2017)
15	Năng lực nghiên cứu (NL)	NL1	NCKH là việc làm không quá khó khăn đối với tôi về mặt chuyên môn	Azad & Seyyed (2007)
16		NL2	NCKH là việc làm không quá khó khăn đối với tôi về mặt thời gian	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
17		NL3	Tôi có nhiều ý tưởng hoặc đề tài cho NCKH của tôi	Azad & Seyyed (2007)
18		NL4	Tôi tin rằng đề xuất cho đề tài NCKH mới của tôi sẽ được thông qua dễ dàng	Azad & Seyyed (2007)
19		NL5	Tôi có thể dễ dàng huy động bạn học cùng tham gia NCKH với tôi	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
20	Nhận thức (NT)	NT1	NCKH giúp Tôi hiểu sâu hơn về lý thuyết/chuyên môn	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
21		NT2	NCKH giúp Tôi hiểu thêm về thực tiễn	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
22		NT3	NCKH là điều kiện để Tôi phát triển bản thân trong sự nghiệp	Huỳnh Thanh Nhã (2016)
23	Ý định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên (YD)	YD1	Tôi có ý định tham gia NCKH trong thời gian tới để nâng cao uy tín cá nhân tôi	Huỳnh Thanh Nhã (2016), Huỳnh Quang Minh (2022)
24		YD2	Tôi có ý định tham gia NCKH để góp phần tạo thương hiệu cho trường của tôi	Huỳnh Thanh Nhã (2016), Huỳnh Quang Minh (2022)
25		YD3	Tôi có ý định tham gia NCKH để tận dụng nguồn lực sẵn có của trường tôi	Huỳnh Thanh Nhã (2016), Huỳnh Quang Minh (2022)
26		YD4	Tôi có ý định tham gia NCKH để góp phần đẩy mạnh phong trào NCKH của trường tôi	Huỳnh Thanh Nhã (2016), Huỳnh Quang Minh (2022)
27	Quyết định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên (QD)	QD1	Quyết định tham gia NCKH là lựa chọn hàng đầu cho sự phát triển trình độ học vấn của tôi	Lê Ngọc Phương Trinh & cộng sự (2022)
28		QD2	Quyết định tham gia NCKH là lựa chọn hàng đầu cho sự phát triển trong sự nghiệp của tôi	Lê Ngọc Phương Trinh & cộng sự (2022)
29		QD3	Tôi hài lòng với quyết định tham gia NCKH của tôi	Lê Ngọc Phương Trinh & cộng sự (2022)
30		QD4	Tôi quyết định tham gia NCKH để góp phần đẩy mạnh phong trào NCKH của trường tôi	Nghiên cứu định tính

(Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu liên quan)

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua các bước: thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu để đánh giá mô hình nghiên cứu. Thu thập dữ liệu thông qua bảng câu hỏi được tác giả thiết kế sẵn. Bảng câu hỏi khảo sát được tác giả gửi đến sinh viên đã từng tham gia các hoạt động NCKH tại Trường Đại học Phan Thiết thông qua Google From. Tác giả chọn cỡ mẫu dựa theo nghiên cứu của Cohen [21], số lượng biến độc lập là 5, với mức ý nghĩa 5% thì mẫu tối thiểu là 122. Trong nghiên cứu này, sau khi loại bỏ những bảng khảo sát không hợp lệ, tác giả thu được 147 phiếu khảo sát hợp lệ để đưa vào phân tích.

Mô hình nghiên cứu được đánh giá qua hai bước là đánh giá mô hình đo lường và đánh giá mô hình cấu trúc bằng phương pháp PLS- SEM (Henseler & Chin [22]).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng tham gia các hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Phan Thiết

Kết quả thống kê mức độ tham gia các hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Phan thiết những năm gần đây được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ tham gia các hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Phan Thiết

Mức độ tham gia các hoạt động NCKH của sinh viên	Năm học 2021 – 2022		Năm học 2022 - 2023	
	Số lượng (880 SV)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (987 SV)	Tỷ lệ (%)
Chưa tham gia hoạt động nào	340	38,64	349	35,36
Tham gia các hội nghị, hội thảo Khoa học của Trường	450	51,14	484	49,04
Tham gia đề tài NCKH cấp Khoa, Trường	90	10,22	154	15,60

Nguồn: Báo cáo khảo sát của Trường Đại học Phan Thiết [23, 24]

Trong năm học 2021 – 2022, theo kết quả khảo sát Bảng 1 cho thấy trong 880 sinh viên có đến 340 sinh viên chưa tham gia hoạt động NCKH nào, chiếm tỉ trọng khá cao lên đến 38,64%; có 450 sinh viên tham gia các hội nghị, hội thảo Khoa học của Trường, chiếm tỉ trọng cao nhất với 51,14%; chỉ có 90 sinh viên tham gia các hoạt động NCKH cấp Khoa, Trường chiếm tỉ trọng khá thấp 10,22%. Kết quả khảo sát năm học 2022 – 2023 cho thấy, trong số 987 sinh viên có 154 sinh viên tham gia đề tài NCKH cấp Khoa, Trường, chiếm 15,6%; có 484 sinh viên tham giá các hội nghị, hội thảo Khoa học của Trường, chiếm 49,04%; số lượng sinh viên chưa tham gia hoạt động NCKH vẫn còn khá lớn với 349 sinh viên chiếm tỉ trọng 35,36%. Như vậy, qua kết quả khảo sát của những năm học gần đây, cho thấy phần lớn sinh viên chỉ tham gia các hội thảo, hội nghị Khoa học của Trường, chỉ có một số ít sinh viên tham gia đề tài NCKH cấp Khoa, Trường và còn một lượng lớn sinh viên chưa thực sự quan tâm đến hoạt động NCKH của Trường.

Đứng trước thực trạng trên, tác giả tiến hành nghiên cứu sâu các đối tượng đã từng tham gia nghiên cứu khoa học để xác định các yếu tố tác động đến quyết định NCKH của sinh viên Trường Đại học Phan Thiết.

4.2. Đánh giá mô hình đo lường

Mô hình nghiên cứu có các hệ số tải ngoài (outer loading) đều lớn hơn 0,708 thỏa điều kiện. Hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp đều lớn hơn 0,7, các biến quan sát đạt được độ tin cậy. Các hệ số AVE đều lớn hơn 0,5, điều này cho thấy mô hình thang đo đạt được giá trị hội tụ.

Các chỉ số HTMT cho từng cặp thang đo đều thấp hơn ngưỡng 0,85, như vậy thang đo thỏa mãn yêu cầu về giá trị phân biệt.

4.3. Đánh giá mô hình cấu trúc

Mô hình nghiên cứu nhận được chỉ số SRMR = 0,08<0,1, như vậy mô hình nghiên cứu được xem là phù hợp với điều kiện nghiên cứu tại trường Đại học Phan Thiết. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc cho thấy, các hệ số VIF đều nhỏ hơn 3 nên mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số xác định R2 của các yếu tố tác động đến ý định là 0,707, cho thấy 70,7% sự thay đổi của ý độc lập trong mô hình. Nghiên cứu tiếp tục đánh giá ý nghĩa quan hệ tác động dựa vào hệ số đường dẫn và giá trị P-value. Đồng thời, để có thể suy rộng kết quả nghiên cứu ra tổng thể, mô hình cần được kiểm định lại độ tin cậy bằng việc thực hiện Bootstrapping với cỡ mẫu 5000.

Bảng 3. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số đường dẫn	Trọng số trung bình dự báo	P-value	Kết luận
H1	CS -> YD	0,196	0,210	0,012	Chấp nhận
H2	STT -> YD	0,093	0,083	0,219	Bác bỏ
H3	SHT -> YD	0,144	0,142	0,029	Chấp nhận
H4	NL -> YD	0,347	0,344	0,000	Chấp nhận
H5	NT -> YD	0,284	0,283	0,000	Chấp nhận
H6	YD -> QD	0,715	0,716	0,000	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả từ phần mềm SmartPLS4)

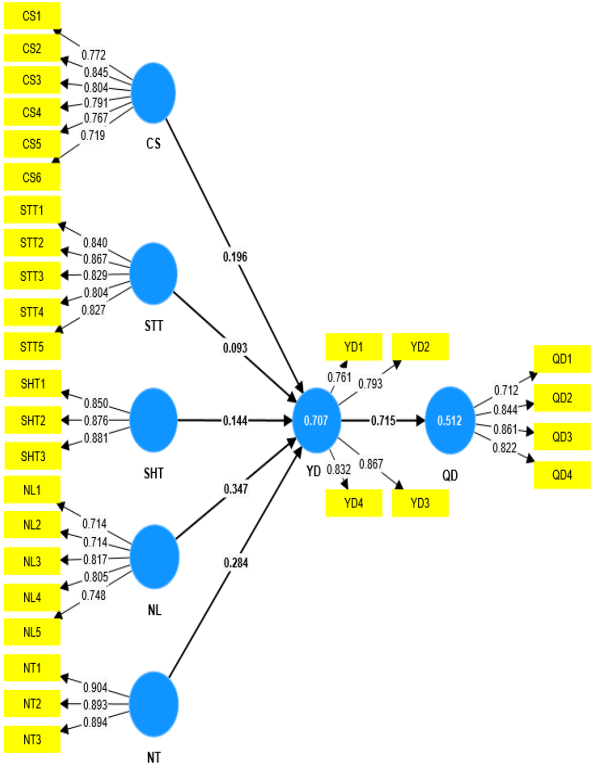

Hình 2. Kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính PLS-SEM

5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả Bảng 3 cho thấy, các yếu tố chính sách khuyến khích của Nhà trường, sự hứng thú, năng lực nghiên cứu, nhận thức, ý định tham gia NCKH đều có giá trị P-value<0,05, kết luận các giả thuyết H1, H3, H4, H5, H6 được chấp nhận với mức ý nghĩa 5%.

Trong đó, yếu tố ý định tham gia NCKH có ảnh hưởng tích cực lớn nhất đến quyết định tham gia NCKH của sinh viên (hệ số đường dẫn = 0,715). Kết quả này phù hợp với mô hình thuyết hành vi có kế hoạch của Ajen [4] và nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy [9], ý định hành vi quyết định việc thực hiện hành vi đó, phù hợp với dấu kỳ vọng của giả thuyết nghiên cứu. Điều này cũng phù hợp với thực tế, khi sinh viên quyết định tham gia NCKH thường chịu tác động rất lớn từ ý định tham gia NCKH.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, yếu tố năng lực nghiên cứu (hệ số đường dẫn = 0,347) có tác động lớn thứ hai đến ý định tham gia NCKH của sinh viên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Võ Thị Minh Nho [3], Nguyễn Thị Vân Anh & cộng sự [25]. Như vậy, năng lực nghiên cứu của sinh viên càng tốt thì ý định tham gia NCKH của sinh viên càng lớn.

Yếu tố thứ ba tác động đến ý định tham gia NCKH của sinh viên đó là nhận thức (hệ số đường dẫn = 0,284). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Huỳnh Thanh Nhã [26], trong khi đó lại trái ngược với kết quả nghiên cứu của Võ Thị Minh Nho [3]. Như vậy, tùy vào điều kiện nghiên cứu khác nhau mà cho thấy những kết quả khác nhau. Trong nghiên cứu này, kết quả cho thấy khi sinh viên có nhận thức tốt về việc tham gia NCKH sẽ thúc đẩy ý định tham gia NCKH của sinh viên.

Yếu tố tiếp theo có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên đó là chính sách khuyến khích của Nhà trường (hệ số đường dẫn = 0,196). Kết quả này phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đó. Thật vậy, với những chính sách khuyến khích càng hấp dẫn thì càng thu hút sinh viên tham gia NCKH.

Yếu tố cuối cùng có tác động tích cực đến ý định tham gia NCKH của sinh viên đó là sự hứng thú (hệ số đường dẫn =0,144). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Huỳnh Quang Minh [19] và Võ Thị Minh Nho [3]. Điều này cho thấy, khi sinh viên có sự hứng thú với NCKH sẽ kích thích ý định tham gia NCKH của sinh viên.

Ngoài ra, yếu tố sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên có giá trị P-value >0,05 không có ý nghĩa thống kê, giả thiết H2 bị bác bỏ. Tuy nhiên, trong thực tế, sự tương tác của giảng viên và sinh viên vẫn có mối quan hệ với ý định NCKH của sinh viên, song mức độ phù hợp của mô hình chưa giải thích được, nguyên nhân có thể xuất phát từ việc chọn mẫu đại diện thông qua phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, phi xác xuất và kích cỡ mẫu còn bé (147 quan sát).

6. Kết luận và hàm ý quản trị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 05 yếu tố tác động tích cực đến quyết định NCKH của sinh viên, trong đó, yếu tố ý định nghiên cứu có tác động mạnh nhất đến quyết định nghiên cứu, thứ hai là yếu tố năng lực nghiên cứu, tiếp theo là yếu tố nhận thức, chính sách khuyến khích của nhà trường, cuối cùng là sự hứng thú. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị để góp phần thúc đẩy sự tham gia NCKH của sinh viên cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu này cũng góp phần cung cấp nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên, nhà nghiên cứu khi thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến NCKH của sinh viên tại các trường đại học.

Từ kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH như sau:

Thứ nhất, Nhà trường cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng và kiến thức để nâng cao năng lực nghiên cứu của sinh viên, cụ thể như tổ chức nhiều buổi sinh hoạt học thuật về phương pháp NCKH để các bạn hiểu hơn về cách thức làm một đề tài NCKH;

Đăng tải các bài NCKH của sinh viên trước đó lên fanpage của câu lạc bộ học thuật; Tổ chức các cuộc thi NCKH trong các câu lạc bộ học thuật tại Trường; Cải tiến các học phần trong chương trình đào tạo: khối lượng thực hành nhiều hơn lý thuyết, để các bạn có thể áp dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó phát triển kỹ năng và năng lực tự nghiên cứu; Khuyến khích sinh viên cùng tham gia các đề tài nghiên cứu của giảng viên để học hỏi kinh nghiệm; Tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi về NCKH với các sinh viên trường khác.

Thứ hai, Nhà trường cần thay đổi nhận thức của sinh viên về hoạt động NCKH bằng cách để các bạn hiểu rõ hơn lợi ích của việc NCKH đối với bản thân như là một nền tảng kiến thức vững chắc, trau dồi kiến thức, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để hỗ trợ các bạn sau khi tốt nghiệp. Nhà trường cần truyền đạt những lợi ích này thông qua các buổi hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên, trên các phương tiện truyền thông của Trường và đặc biệt là trong các buổi giảng dạy của giảng viên tại lớp học.

Thứ ba, ngoài những chính sách dành cho hoạt động NCKH của sinh viên mà Nhà trường đang áp dụng, Nhà trường cần có những chính sách khuyến khích mới và thu hút hơn nữa như là: hỗ trợ kinh phí xứng đáng hơn với kết quả NCKH của sinh viên; Xem xét cộng điểm học tập, điểm rèn luyện; ưu tiên xét học bổng, khen thưởng, các danh hiệu thi đua cấp Trường, cấp tỉnh; Tuyên dương những kết quả NCKH đạt được của sinh viên tại các buổi lễ tại Trường và trên các phương tiện truyền thông của Khoa, Trường; Bên cạnh những chính sách khen thưởng, nhà trường cần có những chính sách bắt buộc tham gia NCKH bằng cách lòng ghép những yêu cầu về tham gia hoạt động NCKH trong những học phần về NCKH theo chương trình đào tạo của Trường.

Thứ tư, Nhà trường cần tạo ra sự hứng thú với hoạt động tham gia NCKH của sinh viên bằng cách khuyến khích các Khoa thành lập nhiều câu lạc bộ NCKH, từ đó tổ chức nhiều cuộc thi, sân chơi về NCKH; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa tạo điều kiện cho sinh viên khám phá, trãi nghiệm các hoạt động NCKH thực tiễn; Khuyến khích sinh viên tìm đọc các tạp chí, đề tài NCKH từ nhiều nguồn khác nhau từ đó khơi dạy sự tò mò, muốn khám phá của sinh viên; Ngoài ra, Nhà trường có thể tổ chức các cuộc thi NCKH giữa các Khoa nhằm tạo ra sự phấn khích, cạnh tranh từ đó tạo động cơ, sự hứng thú cho sinh viên tham gia các hoạt động sôi nổi, tích cực hơn.

Tài liệu tham khảo

[1] A. Salgueira, P. Costa, M. Gonçalves, E. Magalhães and M. J. Costa, "Individual characteristics and student's engagement in scientific research: a cross-sectional study," *BMC Medical Education,* vol. 12, pp. 1-9, 2012.

[2] Bùi Thị Lâm &. Trần Mai Loan, "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên học viện nông nghiệp Việt Nam," *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam,* vol. 20(11), pp. 1550-1560, (2022).

[3] Võ Thị Minh Nho, "Nghiên cứu về những yếu tố ảnh hưởng lên động cơ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên," *Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng,* vol. 21(4), pp. 27-33, 2023.

[4] I. Ajzen, "Theory of Planned Behaviour. Organization Behaviour and Human Decision Processes," *University of Massachusetts Amherst,* pp. 179-211, 1991.

[5] R. M. Ryan and E. L. Deci, "Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being," *American Psychologist,* vol. 55, p. 68–78, 2000.

[6] S. L. Laursen, A.-B. Hunter, E. Seymour, H. Thiry and G. Melton, "Undergraduate research in the sciences: engaging students in real science," *Jossey-Bass, San Francisco,* 2010.

[7] H. Thiry, S. L. Laursen and A.-B. Hunter, "What Experiences Help Students Become Scientists? A Comparative Study of Research and other Sources of Personal and Professional Gains for STEM Undergraduates," *The Journal of Higher Educatio,* vol. 82(4), p. 35, 2011.

[8] T. D. Sadler and L. McKinney, "Scientific Research for Undergraduate Students: A Review of the Literature," *Journal of College Science Teaching,* vol. 39(5), p. 43, 2010.

[9] Nguyễn Thị Thúy, "Các nhân tố tác động đến ý định hành vi và hành vi sử sụng ví kĩ thuật số tại Việt Nam," *Tạp chí ngân hàng,* 2023.

[10] M. F. Fox, "Publication, performance, and reward in science and scholarship. In J. C. Smart (Ed.), Higher education: Handbook of theory and research," *New York: Agathon Press,* vol. 1, p. 255–282., 1985.

[11] Y. Chen, A. Gupta and L. Hoshower, "Factors that motivate business faculty to conduct research: An expectancy theory analysis," *Journal of Education for Business,* vol. 81(4), pp. 179-189, 2006.

[12] A. Picciano, "Beyond student perceptions: issues of interaction, presence, and performance in an online course," *Journal of Asynchronous learning networks,* vol. 6, pp. 21-40, 2002.

[13] N. Q. Uẩn, Giáo trình tâm lí học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.

[14] C. Liu, . L. Wang, Qi R., . W. Wang, S. Jia, D. Shang and Y. Zhao, "Prevalence and associated factors of depression and anxiety among doctoral students: the mediating effect of mentoring relationships on the association between research self-efficacy and depression/anxiety," *Psychology research and behavior management,* pp. 195-208, 2019.

[15] M. Van Dinther, F. Dochy and M. Segers, "Factors affecting students' self-efficacy in higher education," *Educational research review,* vol. 6(2), pp. 95-108, 2011.

[16] N. Nazari, M. R. Salahshoor, G. D. Özdenk, A. Zangeneh, J. Y. Lebni, S. Foroughinia and A. Ziapour, "A study of the components of research self-efficacy in postgraduate students at Kermanshah University of Medical Sciences in 2018," *Journal of Public Health,* pp. 1-8, 2020.

[17] M. Ramin and M. Aghazadeh, "Research self-efficacy in the psychology and educational sciences graduate students," *Research in Curriculum Planning,* vol. 10(9), pp. 147-155., 2014.

[18] . Y. Chen, A. Gupta and L. Hoshower, "Factors that motivate business faculty to conduct research: An expectancy theory analysis," *Journal of Education for Business,* vol. 81(4), pp. 179-189., 2006.

[19] Huỳnh Quang Minh, "Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến ý định tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên: nghiên cứu tình huống Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh," *Tạp chí Khoa học và Công nghệ,* vol. 56, pp. 16-31., 2022.

[20] Nguyễn Thị Hiền và cộng sự, " Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua xe máy điện của giới trẻ tại thành phố Hà Nội," *Journal of*

Science and Technology, vol. 228(11), pp. 141-150, 2023.

[21] J. Cohen, "A power primer," *Psychological Bulletin,* vol. 112, p. 155, 1992.

[22] J. Henseler and W. Chin, "A comparison of approaches for the analysisofinteraction effects between latent variables using partial least squares pathmodeling," *Structural Equation Modeling,* vol. 17 (1), pp. 82 - 109, 2010.

[23] Trường Đại học Phan Thiết, "Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học về cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường năm học 2021 – 2022," 2022.

[24] Trường Đại học Phan Thiết, "Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học về cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường năm học 2022 – 2023," 2023.

[25] Nguyễn Thị Vân Anh và cộng sự, "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa kế toán - kiểm toán trường Đại học công nghiệp Hà Nội," *Kinh tế xã hội,* pp. 247-252, 2021.

[26] Huỳnh Thanh Nhã, "Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường cao đẳng công lập ở thành phố Cần Thơ," *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ,* pp. 20-29, 2016.

Ngày nhận bài: 05/05/2024

Ngày hoàn thành sửa bài: 24/06/2024

Ngày chấp nhận đăng: 25/06/2024